

Công ty CP Bệnh viện ĐKTN Triều An  
425 Kinh Dương Vương, P.An Lạc, Quận Bình Tân

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**QUÍ I NĂM 2023**

**CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN ĐA KHOA TƯ NHÂN TRIỀU AN**

Số 425 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2023

MẪU B 01-DN

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	31/03/23	1/1/2023
<b>A -</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>156,236,599,702</b>	<b>140,242,134,303</b>
<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>103,013,430,052</b>	<b>88,666,898,360</b>
	Tiền	111	V.1	82,896,866,299	68,565,250,823
	Các khoản tương đương tiền	112		20,116,563,753	20,101,647,537
<b>II.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>			
<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>25,161,447,123</b>	<b>25,984,943,018</b>
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	334,825,749	2,098,627,106
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	3,156,820,461	3,343,665,361
3.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	22,369,235,870	21,242,085,508
4.	Dự phòng phải thu khó đòi	137	V.5	(699,434,957)	(699,434,957)
<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.6</b>	<b>24,714,220,979</b>	<b>22,092,855,735</b>
1.	Hàng tồn kho	141		24,724,489,502	22,103,124,258
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(10,268,523)	(10,268,523)
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3,347,501,548</b>	<b>3,497,437,190</b>
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	2,579,686,148	1,903,603,615
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		763,815,400	794,302,238
3.	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.14	4,000,000	799,531,337
<b>B -</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>971,311,329,658</b>	<b>977,047,058,778</b>
<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>503,581,557,075</b>	<b>503,581,557,075</b>
1	Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.8	42,297,755,785	42,297,755,785
2	Phải thu dài hạn khác	216	V.4	461,283,801,290	461,283,801,290
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>208,098,335,215</b>	<b>213,467,956,328</b>
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	186,927,098,315	192,296,719,428
	Nguyên giá	222		464,139,565,089	463,072,423,389
	Giá trị hao mòn lũy kế	223		(277,212,466,774)	(270,775,703,961)
2.	Tài sản cố định vô hình	227	V.9	21,171,236,900	21,171,236,900
	Nguyên giá	228		21,171,236,900	21,171,236,900
	Giá trị hao mòn lũy kế	229			
<b>III.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>			
<b>IV.</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>27,226,425,547</b>	<b>27,226,425,547</b>
	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		27,141,901,027	27,141,901,027
	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	84,524,520	84,524,520
<b>IV.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>223,740,000,000</b>	<b>223,740,000,000</b>
	Đầu tư vào công ty con	251	V.11	38,740,000,000	38,740,000,000
	Đầu tư vào công ty liên kết	252		75,000,000,000	75,000,000,000
	Đầu tư vốn góp vào đơn vị khác	253		110,000,000,000	110,000,000,000
<b>V.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>8,665,011,821</b>	<b>9,031,119,828</b>
	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	8,665,011,821	9,031,119,828
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1,127,547,929,360</b>	<b>1,117,289,193,080</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2023

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	31/03/23	1/1/2023
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>300</b>		<b>531,677,600,601</b>	<b>540,889,465,183</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>310</b>		<b>221,176,725,383</b>	<b>230,388,589,965</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn		311	V.12	61,844,952,204	66,306,788,168
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		312	V.13	32,274,205,189	14,696,422,278
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		313	V.14	1,521,535,399	946,748,511
4. Phải trả người lao động		314		97,100,000	18,734,971,664
5. Chi phí phải trả ngắn hạn		315	V.15	100,000,000	2,527,609,186
6. Phải trả ngắn hạn khác		319	V.16a	119,767,932,591	119,748,050,158
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		320	V.17	5,571,000,000	7,428,000,000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		322	V.18		
<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>330</b>		<b>310,500,875,218</b>	<b>310,500,875,218</b>
1. Phải trả dài hạn khác		337	V.16b	291,485,239,428	291,485,239,428
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		338	V.17	19,015,635,790	19,015,635,790
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>400</b>		<b>595,870,328,759</b>	<b>576,399,727,897</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>410</b>	<b>V.19</b>	<b>595,870,328,759</b>	<b>576,399,727,897</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		411		490,000,000,000	490,000,000,000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		<i>411a</i>			
2. Quỹ đầu tư phát triển		418		42,685,815,743	42,685,815,743
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		420		194,099,139	194,099,139
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		421		62,990,413,877	43,519,813,015
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>		<i>421a</i>		43,519,813,015	2,522,427,558
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>		<i>421b</i>		19,470,600,862	40,997,385,457
5. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		422			-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>430</b>			-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>440</b>		<b>1,127,547,929,360</b>	<b>1,117,289,193,080</b>

Người lập

*Dương Thị Ngọc Mai*

Kế toán trưởng

*Phạm Thị Mỹ Linh*

Ngày 31 tháng 03 năm 2023

P. TỔNG GIÁM ĐỐC



*Võ Ngọc Sơn*

## KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH QUÍ I NĂM 2023

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	140,692,967,169	112,360,727,065
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		835,000	1,800,000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV (10=01-02)	10		140,692,132,169	112,358,927,065
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	107,404,850,500	99,464,139,433
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và CCDV (20=10-11)	20		33,287,281,669	12,894,787,632
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		311,863,712	162,556,814
7. Chi phí tài chính	22		130,406,971	167,038,204
Trong đó: - Chi phí tài chính	23		130,406,971	167,038,204
- Lãi vay NH	24			
8. Chi phí bán hàng	25		266,943,156	58,329,942
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		12,148,837,363	10,982,193,055
CP không chứng từ - CL tỷ giá	28			
10. Lợi nhuận thuần từ HĐKD [30 = 20 + (21-22)-(24 + 25)]	30		21,052,957,891	1,849,783,245
11. Thu nhập khác	31		581,043,066	442,645,484
12. Chi phí khác	32			
13. Lợi nhuận khác (40=31 - 32)	40		581,043,066	442,645,484
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30 + 40)	50		21,634,000,957	2,292,428,729
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		2,163,400,095	229,242,873
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN (60=50- 51 -52)	60		19,470,600,862	2,063,185,856
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70			

Người lập

*Đặng Thị Ngọc Mai*

Kế toán trưởng

*Phạm Thị Mỹ Linh*

Ngày 03 tháng 03 năm 2023



*Võ Ngọc Sơn*

**CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN ĐA KHOA TƯ NHÂN TRIỀU**

Số 425 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

QUÍ I NĂM 2023

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	KỶ NÀY	KỶ TRƯỚC
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		19,470,600,862	2,063,185,856
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		6,436,762,813	6,618,117,656
- Các khoản dự phòng	03			
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền	04			
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(311,863,712)	(162,556,814)
- CP lãi vay				
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu	08		25,595,499,963	8,518,746,698
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	VII	2,058,825,474	(5,116,508,844)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(3,221,365,244)	(9,993,153,782)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, t	11	VII	(7,949,533,903)	10,665,913,669
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(309,974,526)	1,392,433,090
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			
- Tiền lãi vay đã trả	14			
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16			
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17			
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>16,173,451,764</b>	<b>5,467,430,831</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn	21	VII		
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-		(200,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
3. Thu lãi tiền ngân hàng, lãi tiền cho vay	27		311,863,712	162,556,814
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>311,863,712</b>	<b>(37,443,186)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của	32			
1. Tiền thu từ đi vay	33			
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(1,857,000,000)	(1,857,000,000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(296,700,000)	(558,000,000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(2,153,700,000)</b>	<b>(2,415,000,000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>14,331,615,476</b>	<b>3,014,987,645</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>88,681,814,576</b>	<b>32,675,822,978</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>103,013,430,052</b>	<b>35,690,810,623</b>

Ngày 31 tháng 03 năm 2023

Người lập

**Đặng Thị Ngọc Mai**

Kế toán trưởng

**Phạm Thị Mỹ Linh**

TRƯỞNG GIÁM ĐỐC



**Võ Ngọc Sơn**

## BẢNG CÂN ĐỐI TÀI KHOẢN QUÍ I NĂM 2023

Số tài	Tên tài khoản	Số dư đầu kỳ		Phát sinh Nợ	Phát sinh Có	Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có			Nợ	Có
111	Tiền mặt	6,677,581,537		163,175,174,072	163,740,102,950	6,112,652,659	
112	Tiền gửi ngân hàng	61,887,669,286		128,143,412,393	113,246,868,039	76,784,213,640	
128	Đầu tư ngắn hạn khác	62,399,403,322		14,916,216		62,414,319,538	
131	Phải thu của khách hàng		12,597,795,171	213,034,226,109	232,375,810,377		31,939,379,438
133	Thuế GTGT được khấu trừ	794,302,238		13,272,061	43,758,900	763,815,400	
141	Tạm ứng	1,120,777,073		1,784,200,000	2,212,022,981	692,954,092	
152	Nguyên vật liệu chính	5,334,648,731		24,611,372,225	24,310,534,866	5,635,486,090	
153	Công cụ, dụng cụ	67,919,591		1,202,467,002	1,107,647,197	162,739,396	
154	Chi phí sản xuất kinh doanh DD	34,757,912,857					
156	Hàng hoá	9,084,544,105		34,986,674,499	32,760,966,419	34,757,912,857	
211	Tài sản cố định hữu hình	463,072,423,389		1,067,141,700		11,310,252,185	
213	Tài sản cố định vô hình	21,171,236,900				464,139,565,089	
214	Hao mòn tài sản cố định		270,775,703,961		6,436,762,813	21,171,236,900	277,212,466,774
221	Đầu tư tài chính dài hạn	38,740,000,000				38,740,000,000	
222	Đầu tư vào công ty LDLK	212,000,000,000				212,000,000,000	
228	Đầu tư dài hạn khác	110,000,000,000				110,000,000,000	
229	Dự phòng tổn thất tài sản		709,703,480				709,703,480
241	Xây dựng cơ bản dở dang	84,524,520				84,524,520	
242	Chi phí trả trước	10,934,723,443		3,205,626,150	2,895,651,624	11,244,697,969	
244	Ký quỹ, ký cược dài hạn	14,350,000				14,350,000	
311	Vay ngắn hạn						
331	Phải trả cho người bán		62,963,122,807	66,514,873,251	62,239,882,187		58,688,131,743
333	Thuế và các khoản phải nộp NN		147,217,174	3,070,790,572	4,441,108,796		1,517,535,399
334	Phải trả công nhân viên		18,734,971,664	58,733,134,566	40,095,262,902		97,100,000
335	Chi phí phải trả		2,527,609,186	2,427,609,186			100,000,000
338	Phải trả, phải nộp khác		66,986,249,812	7,063,890,807	6,971,913,895		66,894,272,900
341	Vay và nợ thuế tài chính		26,443,635,790	1,857,000,000			24,586,635,790
344	Nhận ký quỹ, ký cược		2,158,000				2,158,000
353	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	145,877,951		1,443,113,998		1,588,991,949	
411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		490,194,099,139				490,194,099,139
414	Quỹ đầu tư phát triển		42,685,815,743				42,685,815,743

421	Lợi nhuận sau thuế chưa phân bổ				5,873,021,696	25,343,622,558			62,990,413,877
511	Đồn thu doanh thu và cung cấp NV			43,519,813,015	140,692,967,169	140,692,967,169			
515	Doanh thu hoạt động tài chính				311,863,712	311,863,712			
521	Các khoản giảm trừ doanh thu				835,000	835,000			
632	Giá vốn hàng bán				107,844,216,315	107,844,216,315			
635	Chi phí tài chính				130,406,971	130,406,971			
641	Chi phí bán hàng				266,943,156	266,943,156			
642	Chi phí quản lý doanh nghiệp				12,148,857,605	12,148,857,605			
711	Thu nhập khác				581,043,066	581,043,066			
821	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp				2,163,400,095	2,163,400,095			
911	Xác định kết quả kinh doanh				147,458,060,642	147,458,060,642			
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>1,038,287,894,942</b>	<b>1,038,287,894,942</b>	<b>1,038,287,894,942</b>	<b>1,129,820,510,234</b>	<b>1,129,820,510,234</b>	<b>1,057,617,712,283</b>	<b>1,057,617,712,283</b>	<b>1,057,617,712,283</b>

Người lập

Kế toán trưởng

*Đặng Thị Ngọc Mai*

*Phạm Thị Mỹ Linh*

Xã 31 tháng 03 năm 2023

P.TÔNG GIÁM ĐỐC



*Võ Ngọc Sơn*

**CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN ĐA KHOA TƯ NHÂN  
TRIỀU AN**

Số 425 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân,  
Thành phố Hồ Chí Minh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý I Năm 2023

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Tư nhân Triều An (tên giao dịch là Trieu An Hospital Corporation), tiền thân là Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa Tư nhân Triều An được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 071727 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 05 năm 1999. Công ty được chuyển đổi thành “Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Tư nhân Triều An” theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số cũ 4103004995 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 07 năm 2006.

Cho đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi đến lần thứ 8 số 0301765901 vào ngày 08 tháng 08 năm 2013.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 425 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chi nhánh Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Tư nhân Triều An - Nghĩa trang Thạnh Đức tại: Ấp 2, Xã Thạnh Đức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31/03/2023 là 718 người

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ khám, chữa bệnh.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động của các bệnh viện, trạm xá - chi tiết: bệnh viện. Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động - chi tiết: nhà hàng. Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê - chi tiết: kinh doanh bất động sản. Dịch vụ lưu trú ngắn ngày - chi tiết: khách sạn, nhà nghỉ (không kinh doanh tại trụ sở). Giáo dục nghề nghiệp - chi tiết: đào tạo nghề. Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí - chi tiết: tổ chức biểu diễn nghệ thuật. Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu - chi tiết: kinh doanh khu vui chơi giải trí. Hoạt động của các cơ sở thể thao - chi tiết: hồ bơi, bóng rổ, bóng nước, bóng ném, sân quần vợt, cầu lông, bãi tắm, hồ câu cá, bãi biển, cưỡi ngựa, cưỡi voi tham quan, cưỡi thuyền bay, đi du thuyền. Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ.

**4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**5. Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày kết thúc năm tài chính, cấu trúc Công ty bao gồm Công ty mẹ và 1 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ, 1 Công ty liên kết có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty mẹ. Chi tiết như sau:



*Công ty con*

Tên công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH MTV Tư vấn Đầu tư và Dịch vụ An Triều	Số 119-121, Đường Lạc Long Quân, Phường 1, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh	100%	100%	Tư vấn đầu tư, tư vấn du học; đào tạo ngoại ngữ, tin học, phòng khám đa khoa

*Công ty liên kết*

Tên công ty liên kết	Địa chỉ	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Tư nhân Triều An Loan Trâm	Số 379C ấp Tân Vĩnh Thuận, xã Tân Ngãi, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long	30%	30%	Hoạt động bệnh viện

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng:

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

### 2. Ước tính kế toán

**CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỰ NHÂN  
TRIỀU AN**

Số 425 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân,  
Thành phố Hồ Chí Minh

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các khoản tiền bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

**4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty thể hiện các khoản đầu tư vào công ty con, các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác.

*Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết*

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Mức trích lập dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của Công ty tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực tại ngày Báo cáo tài chính riêng của công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày Báo cáo tài chính riêng được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Khi thanh lý, nhượng bán, thu hồi vốn đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, căn cứ vào giá trị tài sản thu hồi được kế toán ghi giảm số vốn đã góp. Phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý của khoản thu hồi được so với giá trị ghi sổ của khoản đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

*Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

**CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN ĐA KHOA TƯ NHÂN  
TRIỀU AN**

Số 425 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân,  
Thành phố Hồ Chí Minh

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo nguyên tắc giá gốc, bao gồm giá mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư.

Cổ tức và lợi nhuận từ đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập khi khoản đầu tư bị tổn thất tại ngày Báo cáo tài chính riêng. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập chi tiết như sau:

- Đối với khoản đầu tư chứng khoán niêm yết, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của các loại chứng khoán mà Công ty đang nắm giữ;
- Đối với khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị chưa niêm yết, việc lập phòng dựa trên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định dựa trên các kỹ thuật định giá một cách đáng tin cậy;
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại ngày Báo cáo tài chính riêng, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của Công ty tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực tại ngày Báo cáo tài chính của đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày Báo cáo tài chính riêng được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Lãi/ lỗ khi thanh lý, nhượng bán đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

#### **5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu (06) tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn khác.

#### **6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN ĐA KHOA TƯ NHÂN  
TRIỀU AN**

Số 425 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân,  
Thành phố Hồ Chí Minh

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

**7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định hữu hình khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 15 năm
- Phương tiện vận tải	08 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	08 - 10 năm
- Tài sản khác	06 - 08 năm

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không tính khấu hao.

Nguyên giá tài sản cố định và thời gian khấu hao được xác định theo thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 và thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

**8. Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)**

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Trong trường hợp nhận tiền, tài sản của các bên khác đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được kế toán là nợ phải trả. Trường hợp đưa tiền, tài sản đi đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được ghi nhận là nợ phải thu.

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) của Công ty theo hình thức tài sản đồng kiểm soát, hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát hay hình thức BCC chia lợi nhuận sau thuế.

***Đối với BCC chia lợi nhuận sau thuế***

BCC chia lợi nhuận sau thuế thường là BCC dưới hình thức hoạt động đồng kiểm soát hoặc do một bên kiểm soát. Trường hợp BCC chia lợi nhuận sau thuế, các bên phải cử ra một bên để kế toán toàn bộ các giao dịch của BCC, ghi nhận doanh thu, chi phí, theo dõi riêng kết quả kinh doanh của BCC và quyết toán thuế.

Nếu BCC quy định các bên khác tham gia BCC được hưởng một khoản lợi nhuận cố định mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của hợp đồng thì:

- Bên thực hiện kế toán của BCC ghi nhận toàn bộ doanh thu, chi phí và lợi nhuận sau thuế của BCC trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của mình. Trong đó, chi phí của BCC bao gồm các lợi nhuận cố định trả cho các bên khác tham gia BCC.
- Các bên còn lại chỉ ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản đối với khoản được chia từ BCC.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN ĐA KHOA TƯ NHÂN  
TRIỀU AN**

Số 425 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân,  
Thành phố Hồ Chí Minh

Nếu BCC quy định các bên cùng nhau phân chia lãi, lỗ theo kết quả kinh doanh của BCC thì:

- Các bên thực hiện ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh phần doanh thu, chi phí và lợi nhuận tương ứng với phần chia theo thỏa thuận của BCC.
- Bên thực hiện kế toán của BCC có nghĩa vụ thay mặt các bên khác thực hiện nghĩa vụ của BCC với NSNN, thực hiện quyết toán thuế và phân bổ lại nghĩa vụ này cho các bên khác theo thỏa thuận của BCC.

**9. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh trong năm được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**10. Nguyên tắc ghi nhận các khoản trả thương mại và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

**11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

*Cơ cấu vốn chủ sở hữu*

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán riêng của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

*Trích lập các quỹ*

Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo Điều lệ Công ty.

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội.

**12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN ĐA KHOA TƯ NHÂN  
TRIỀU AN**

Số 425 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân,  
Thành phố Hồ Chí Minh

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán riêng của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán riêng;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu lãi tiền gửi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

**13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phân chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

**14. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài

**CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN ĐA KHOA TƯ NHÂN  
TRIỀU AN**

Số 425 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân,  
Thành phố Hồ Chí Minh

---

(điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

**15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

**16. Báo cáo bộ phận**

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

**17. Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu của khách hàng, phải thu về các khoản cho vay, phải thu khác và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

*Nợ phải trả tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay.

**Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán riêng khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**18. Bên liên quan**

**CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN ĐA KHOA TƯ NHÂN  
TRIỀU AN**

Số 425 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân,  
Thành phố Hồ Chí Minh

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/03/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	6.112.652.659	6.677.581.537
Tiền gửi ngân hàng	76.784.213.610	61.887.669.286
Các khoản tương đương tiền	20.116.563.753	20.101.647.537
<b>Cộng</b>	<b>103.013.430.052</b>	<b>88.666.898.360</b>

**2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	31/03/2023	01/01/2023
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội thành phố Hồ Chí Minh	-	-
Các khách hàng khác	334.825.749	2.098.627.105
<b>Cộng</b>	<b>334.825.749</b>	<b>2.098.627.105</b>

**3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/03/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Tp.HCM	711.611.655	711.611.655
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư & Xây dựng Sài Thành	600.000.000	600.000.000
Công ty TNHH Y tế Hòa Hào	-	-
Công ty TNHH TM DV Deltech	869.550.000	582.725.000
Trả trước cho người bán khác	975.658.806	1.449.428.706
<b>Cộng</b>	<b>3.156.820.461</b>	<b>3.343.665.361</b>

**4. Phải thu khác**

	31/03/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>22.369.235.870</b>	<b>21.242.085.508</b>
Qũy phúc lợi, khen thưởng	1.588.991.949	145.877.951
Tạm ứng	694.341.346	1.121.141.346
<i>Trong đó, tạm ứng cho các thành viên chủ chốt (*)</i>		
Tạm ứng cổ tức	13.057.336.364	12.946.500.000



**CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN ĐA KHOA TƯ NHÂN TRIỀU AN**

Số 425 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân,  
Thành phố Hồ Chí Minh

	31/03/2023 VND	01/01/2023 VND
Phải thu bà Trâm Thuyết Kiều	7.000.000.000	7.000.000.000
Ký cược, ký quỹ	14.350.000	14.350.000
Các khoản phải thu khác	14.216.211	14.216.211
<b>b) Dài hạn</b>	<b>461.283.801.290</b>	<b>461.283.801.290</b>
<i>Nhận góp vốn hợp tác đầu tư</i>		
Công ty Cổ phần Thương mại và Địa ốc Bình Chánh (i)	45.000.000.000	45.000.000.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Quận 9 (ii)	416.283.801.290	416.283.801.290
<b>Cộng</b>	<b>483.653.037.160</b>	<b>482.525.886.798</b>

**5. Nợ xấu**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	31/03/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>				
Sở Y Tế tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	9.734.957	(9.734.957)	9.734.957	(9.734.957)
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>				
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Sài Thành	600.000.000	(600.000.000)	600.000.000	(600.000.000)
Công ty TNHH MTV XD-TM-DV An Lạc Tân	50.000.000	(50.000.000)	50.000.000	(50.000.000)
Công ty TNHH SX sản phẩm Điện - Thương Mại Tự Động	8.000.000	(8.000.000)	8.000.000	(8.000.000)
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>				
Tạm ứng nhân viên Ông Nguyễn Đức Viên	31.700.000	(31.700.000)	31.700.000	(31.700.000)
<b>Cộng</b>	<b>699.434.957</b>	<b>(699.434.957)</b>	<b>699.434.957</b>	<b>(699.434.957)</b>

**6. Hàng tồn kho**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	31/03/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng

**CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN ĐA KHOA TƯ NHÂN  
TRIỀU AN**

Số 425 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân,  
Thành phố Hồ Chí Minh

	31/03/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	5.635.486.090		5.334.648.731	-
Công cụ, dụng cụ	162.739.396		67.919.591	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	7.616.011.831		7.616.011.834	
Hàng hoá	11.310.252.185		9.084.544.105	-
<b>Cộng</b>	<b>24.724.489.502</b>		<b>22.103.124.258</b>	

**7. Chi phí trả trước**

	31/03/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>2.579.686.148</b>	<b>1.903.603.615</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	269.500.150	242.548.249
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.310.186.000	1.661.055.366
<b>b) Dài hạn</b>	<b>8.665.011.821</b>	<b>9.031.119.828</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	3.342.480.743	3.036.107.943
Chi phí trả trước dài hạn khác	5.322.531.078	5.995.011.885
<b>Cộng</b>	<b>11.244.697.969</b>	<b>10.934.723.443</b>

**8. Phải thu về cho vay dài hạn**

	31/03/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Quận 9	42.297.755.785	42.297.755.785
<b>Cộng</b>	<b>42.297.755.785</b>	<b>42.297.755.785</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN ĐA  
KHOA TỰ NHÂN TRIỀU AN**  
Số 425 Kinh Dương Vương, Phường An  
Lạc, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí  
Minh

**9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
01/01/2023	125.614.686.441	314.706.149.521	19.899.590.439	2.003.981.261	848.015.727	463.072.423.389
Tăng trong kỳ	-	1.067.141.700	-	-	-	-
<i>Mua sắm mới</i>	-	1.067.141.700	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
<b>31/03/2023</b>	<b>125.614.686.441</b>	<b>315.773.149.521</b>	<b>19.899.590.439</b>	<b>2.003.981.261</b>	<b>848.015.727</b>	<b>464.139.565.089</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
01/01/2023	65.113.256.416	191.728.559.328	11.521.659.341	1.723.135.383	689.093.493	270.775.703.961
Tăng trong kỳ	1.418.908.307	4.524.572.392	455.850.431	14.899.791	22.531.889	6.436.762.813
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	1.418.908.307	4.524.572.392	455.850.431	14.899.791	22.531.889	6.436.762.813
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
<b>31/03/2023</b>	<b>66.532.164.723</b>	<b>196.253.131.720</b>	<b>11.977.509.772</b>	<b>1.738.035.174</b>	<b>711.625.382</b>	<b>277.212.466.774</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN ĐA KHOA TƯ NHÂN  
TRIỀU AN**

Số 425 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân,  
Thành phố Hồ Chí Minh

**10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình thể hiện các quyền sử dụng đất của Công ty. Các quyền sử dụng đất này không xác định thời hạn nên không trích khấu hao.

*Đơn vị tính: VND*

	<b>01/01/2023</b>	<b>Phát sinh Tăng</b>	<b>Phát sinh giảm</b>	<b>31/03/2023</b>
Nguyên giá	21.171.236.900	-	-	21.171.236.900
Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	-
<b>Giá trị còn lại</b>	<b>21.171.236.900</b>	-	-	<b>21.171.236.900</b>

**11. Tài sản dở dang dài hạn**

	<b>31/03/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn</b>	<b>27.141.901.027</b>	<b>27.141.901.027</b>
Chi phí đất Nghĩa trang Thạnh Đức, Long An	27.141.901.027	27.149.901.027
<b>b) Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>84.524.520</b>	<b>84.524.520</b>
Dự án du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng Triều An	84.524.520	84.524.520
<b>Cộng</b>	<b>27.226.425.547</b>	<b>27.226.425.547</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN ĐA KHOA TƯ NHÂN  
TRIỆU AN**

Số 425 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân,  
Thành phố Hồ Chí Minh

**12. Đầu tư tài chính dài hạn**

	31/03/2023		01/01/2023		Đơn vị tính: VND	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc		Giá trị hợp lý
<i>Đầu tư vào công ty con</i>						
Công ty TNHH MTV Tư vấn Đầu tư và Dịch vụ An Triệu (i)	38.740.000.000	-	-	38.740.000.000	-	-
<i>Đầu tư vào công ty liên kết</i>						
Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Tư nhân Triệu An Loan Trâm (ii)	75.000.000.000	-	-	75.000.000.000	-	-
<i>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</i>						
Công ty Cổ phần Đầu tư Khu đô thị mới Sài Gòn (iii)	110.000.000.000	-	-	110.000.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>223.740.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>223.740.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**13. Phải trả người bán ngắn hạn**

*Đơn vị tính: VND*

	<b>31/03/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
	<b>Giá trị</b>	<b>Giá trị</b>
Công ty TNHH TM DV TBYS Cao Minh	106.800.000	1.015.000.000
Công ty Cổ phần Trang thiết bị Y Tế Công Vàng	2.832.489.600	3.775.389.600
Công ty Cổ phần Dược phẩm Thống Nhất	3.549.100.000	5.372.600.000
Công ty TNHH TM Kỹ Thuật An Pha	421.000.000	337.000.000
Tổng Công ty TBYS Việt Nam - CTCP	1.130.109.120	1.175.538.020
Công ty TNHH TM Dược phẩm Mười Tháng Ba	350.018.921	622.856.909
Công ty TNHH KHKT Minh Khang	12.096.010.000	11.107.090.000
Công ty TNHH Dược Y Tế Nguyễn Hải	710.406.600	521.246.889
Công ty Cổ phần Trang Y	959.290.000	5.537.320.000
Công ty TNHH TM - DV & SX Việt Tường	2.229.230.000	2.078.210.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Me Ta	3.359.524.000	2.561.964.000
Công ty TNHH MTV Vimedimex Bình Dương	1.467.633.520	1.110.360.308
Công ty Cổ phần Dược liệu TW II - Phytopharma	3.035.005.489	2.135.724.598
Công ty TNHH TM TTB Y Tế Nhân Trung	4.428.652.351	4.086.423.241
Công ty TNHH Dược phẩm &	1.545.823.046	2.276.882.059

**CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN ĐA KHOA TƯ NHÂN  
TRIỀU AN**

Số 425 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân,  
Thành phố Hồ Chí Minh

	31/03/2023	01/01/2023
	Giá trị	Giá trị
TTBYT Hoàng Đức		
Công ty Cổ phần Dược phẩm Việt Hà	201.010.000	73.552.800
Công ty Cổ phần Dược phẩm TENAMYD	480.731.961	69.119.991
Công ty TNHH Khả Lộc	102.813.000	16.990.000
Công ty Cổ phần TM DV Hải Đăng Vàng	1.218.754.000	1.766.944.000
Phải trả các đối tượng khác	21.620.550.866	20.663.875.753
<b>Cộng</b>	<b>61.844.952.204</b>	<b>66.306.788.168</b>

**14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	31/03/2023 VND	01/01/2023 VND
Bảo hiểm xã hội thành phố Hồ Chí Minh	26.002.301.027	8.298.085.206
Người mua trả tiền trước là Công ty, tổ chức		246.307.311
Người mua trả tiền trước là bệnh nhân	6.271.904.162	6.152.029.761
<b>Cộng</b>	<b>32.274.205.189</b>	<b>14.696.422.278</b>

**15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	01/01/2023	Số phải nộp	Số đã nộp	31/03/2023
<b>a) Phải nộp</b>	<b>147.217.174</b>	<b>4.441.108.796</b>	<b>3.070.790.572</b>	<b>1.517.535.399</b>
Thuế GTGT đầu ra	47.383.945	285.210.630	174.927.935	(157.666.641)
Thuế thu nhập cá nhân	899.364.566	1.992.498.071	2.891.862.637	
Các loại thuế khác	-		4.000.000	4.000.000
<i>Thuế môn bài</i>	-			
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(799.531.337)	2.163.400.095		(1.363.868.758)

**16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/03/2023 VND	01/01/2023 VND
Chi phí khám, chữa bệnh	-	2.145.960.386

**CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN ĐA KHOA TƯ NHÂN  
TRIỀU AN**

Số 425 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân,  
Thành phố Hồ Chí Minh

Chi phí dụng cụ, chi phí quản lý doanh nghiệp phải trả	100.000.000	381.648.800
<b>Cộng</b>	<b>100.000.000</b>	<b>2.527.609.186</b>
<b>17. Phải trả khác</b>		
	<b>31/03/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>119.767.932.591</b>	<b>119.748.050.158</b>
Phải trả cổ tức	118.409.940.000	118.609.440.000
Phải trả, phải nộp khác	1.357.992.591	1.138.610.158
<b>b) Dài hạn</b>	<b>291.485.239.428</b>	<b>291.485.239.428</b>
Ông Trần Khải Hòa	15.000.000.000	15.000.000.000
Ông Nguyễn Văn Bình	37.000.000.000	37.000.000.000
Ông Lê Trọng Trí	223.938.081.428	223.938.081.428
Bà Trần Thuyết Kiều	12.000.000.000	12.000.000.000
Trung tâm Chẩn đoán Y khoa Medic	3.545.000.000	3.545.000.000
<i>Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn</i>	<i>2.158.000</i>	<i>2.158.000</i>
<b>Cộng</b>	<b>411.253.172.019</b>	<b>411.233.289.586</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN ĐA KHOA TƯ NHÂN  
TRIỆU AN**  
Số 425 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân,  
Thành phố Hồ Chí Minh

**18. Vay và nợ thuế tài chính**

*Đơn vị tính: VND*

	01/01/2023		31/03/2023	
	Giá trị	Tăng	Giảm	Giá trị
a) <b>Ngắn hạn</b>	7.428.000.000			5.571.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả Công ty Đầu tư tài chính Nhà nước TP. HCM	7.428.000.000	1.857.000.000	1.857.000.000	5.571.000.000
b) <b>Dài hạn</b>	19.015.635.790			19.015.635.790
Vay dài hạn Công ty Đầu tư tài chính Nhà nước TP. HCM	19.015.635.790			19.015.635.790
<b>Cộng</b>	<b>26.443.635.790</b>	<b>1.857.000.000</b>	<b>1.857.000.000</b>	<b>24.586.635.790</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỰ NHÂN  
TRIỀU AN**

Số 425 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân,  
Thành phố Hồ Chí Minh

**19. Vốn chủ sở hữu**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
01/01/2023	490.000.000.000	42.685.815.743	194.099.139	43.519.813.015	576.399.727.897
31/03/2023	490.000.000.000	42.685.815.743	194.099.139	62.990.413.877	595.870.328.759

Đơn vị tính: VND

**CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN ĐA KHOA TƯ NHÂN  
TRIỀU AN**  
Số 425 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân,  
Thành phố Hồ Chí Minh

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Tên cổ đông	31/03/2023			01/01/2023		
	Số cổ phần	Tỷ lệ	Giá trị	Số cổ phần	Tỷ lệ	Giá trị
Bà Dương Thị Đẹt	18.750.000	38,27%	187.500.000.000	18.750.000	38,27%	187.500.000.000
Bà Viên Tú Anh	1.686.000	3,44%	16.860.000.000	1.686.000	3,44%	16.860.000.000
Ông Trịnh Nhật Toàn	300.000	0,61%	3.000.000.000	300.000	0,61%	3.000.000.000
Ông Võ Ngọc Sơn	200.000	0,41%	2.000.000.000	200.000	0,41%	2.000.000.000
Ông Trần Ngọc Henri	2.000.000	4,08%	20.000.000.000	2.000.000	4,08%	20.000.000.000
Bà Trâm Thuyết Kiều	10.495.500	21,42%	104.955.000.000	10.495.500	21,42%	104.955.000.000
Ông Nguyễn Hải Tùng	50.000	0,10%	500.000.000	50.000	0,10%	500.000.000
Các cổ đông khác	15.518.500	31,67%	155.185.000.000	15.518.500	31,67%	155.185.000.000
<b>Cộng</b>	<b>49.000.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>490.000.000.000</b>	<b>49.000.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>490.000.000.000</b>

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**

**1. Doanh thu**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	140.692.967.169	112.360.727.065
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>835.000</b>	<b>1.800.000</b>
Hàng bán bị trả lại	835.000	1.800.000
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>140.692.132.169</b>	<b>112.358.927.065</b>
<b>2. Giá vốn hàng bán</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá vốn khám chữa bệnh	107.404.850.000	99.464.139.433
<b>Cộng</b>	<b>107.404.850.000</b>	<b>99.464.139.433</b>
<b>3. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>311.863.712</b>	<b>162.556.814</b>
<b>4. Chi phí tài chính</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí bảo lãnh	130.406.971	167.038.204
<b>Cộng</b>	<b>130.406.971</b>	<b>167.038.204</b>
<b>5. Chi phí bán hàng</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí khác bằng tiền	266.943.156	58.329.942
<b>Cộng</b>	<b>266.943.156</b>	<b>58.329.942</b>
<b>6. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên quản lý	5.108.651.239	5.412.238.765
Chi phí vật liệu quản lý	351.324.188	276.359.000
Chi chi đồ dùng văn phòng	468.350.090	422.261.980
Chi phí khấu hao	272.241.246	275.359.059
Thuế, phí và lệ phí	2.784.407.421	2.519.782.199
Chi phí dịch vụ mua ngoài	218.104.368	574.282.127
Chi phí khác bằng tiền	2.945.758.811	1.501.909.925
<b>Cộng</b>	<b>12.148.837.363</b>	<b>10.982.193.055</b>
<b>7. Thu nhập khác</b>		

Cộng	<u>581.043.066</u>	<u>442.645.484</u>
8. Chi phí khác		
Chi phí khác	-	-
9. Thuế thu nhập doanh nghiệp		
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	<u>2.163.400.095</u>	<u>229.242.873</u>

V. NHỮNG THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ.

VI. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Người lập biểu



Đặng Thị Ngọc Mai

Kế toán trưởng



Phạm Thị Mỹ Linh



Võ Ngọc Sơn

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2023

